

Số: /NVKT-BQLDAKN

Bạch Mai, ngày *11* tháng *12* năm 2025

**NHIỆM VỤ KỸ THUẬT  
VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN**

**DỰ ÁN: CẢI TẠO TBA TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐÔNG ĐA  
(THEO ĐỊA DƯ HÀNH CHÍNH CŨ) NĂM 2026( ĐỢT 2)**

Người lập phần Quy mô đầu tư sơ bộ &  
Nhiệm vụ kỹ thuật:

Nguyễn Quang Tuệ



Người lập khái toán chi phí đầu tư của dự án  
và Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Nguyễn Thị Thu Hương



**NGƯỜI KIỂM TRA**

Tổ Trưởng Tổ Quản lý Đầu tư :

Trần Thị Vân Anh



**Nơi nhận:**

- BGĐ (để b/cáo);
- KHVT, KTAT, TCKT (để p/hợp);
- BQLDAKN (để p/hợp);
- QLĐT (06 bản giấy);
- Lưu: VT, BQLDAKN.

**GIÁM ĐỐC BAN**



**Lê Viết Hải**

## **GIỚI THIỆU NỘI DUNG BIÊN CHẾ HỒ SƠ**

Hồ sơ Nhiệm vụ kỹ thuật và Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án: Cải tạo TBA trên địa bàn Quận Đống Đa (Theo địa dư hành chính cũ) năm 2026( đợt 2) được biên chế như sau:

### **PHẦN I. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

#### **I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ**

#### **II. MỤC TIÊU DỰ ÁN**

#### **III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN**

#### **IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN**

### **PHẦN II. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN**

#### **I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT**

#### **II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN**

## **PHẦN I: QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHAI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ**

### **I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật điện lực số 61/2024/QH15 ban hành ngày 30/11/2024;
- Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Văn bản số 333/CP-CN ngày 13/07/2023 của Chính phủ, về việc đính chính Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2024/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Thông tư 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;
- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Quyết định số 88/QĐ-EVN HANOI ngày 03/01/2024 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc phê duyệt sửa đổi đề án Định hướng công tác quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 (sửa đổi lần 1).
- Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc

ban hành Đề án: “ Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

- Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/07/2021 của EVN về việc ban hành Quy trình An toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;

- Quyết định số 9078/QĐ-EVN HANOI ngày 17/09/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội, về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 3 năm 2026 cho Công ty Điện lực Hoàn Kiếm ”.

## II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

- Công trình: Cải tạo TBA trên địa bàn Quận Đống Đa( Theo địa dư hành chính cũ) năm 2026( đợt 2) được đầu tư xây dựng nhằm các mục tiêu sau:

- + Cải tạo TBA B8B Kim Liên đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Cải tạo TBA Thịnh Hào 3 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Cải tạo TBA Giếng Nước Văn Chương đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Cải tạo TBA Trần Quý Cáp 4 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Cải tạo TBA Trần Quý Cáp 5 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Cải tạo TBA Láng Trung 4 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, tận dụng tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Cải tạo TBA C3 Nam Đồng đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- + Lắp đặt cáp xuất tuyến và đường trục hạ thế.
- + Giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực.
- + Đảm bảo cung cấp điện năng an toàn với chất lượng cao cho các phụ tải.
- + Đảm bảo tính ổn định, liên tục cấp điện, giảm thiểu tối đa xác suất sự cố do các nguyên nhân khách quan và chủ quan khi vận hành lưới điện.
- + Nâng cao hiệu quả kinh doanh bán điện.
- + Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội TP Hà Nội nói chung.

+ Phù hợp với Quy hoạch cải tạo và phát triển lưới điện khu vực giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035 đã được phê duyệt văn bản số 711/QĐ-UBND. ngày 9 tháng 02 năm 2017.

Nhằm nâng cao năng lực cấp điện của hệ thống trạm biến áp để cấp điện cho các phụ tải trên địa bàn Điện Lực Hoàn Kiếm và khu vực lân cận. Đồng thời cần quy hoạch lại lưới điện hiện trạng để phù hợp với hiện trạng và quy hoạch phát triển điện lực trong tương lai, thuận lợi công tác quản lý vận hành an toàn điện và nâng cao công tác kinh doanh bán điện đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

### III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN

#### III.1. Khối lượng thiết bị, vật tư chính dự kiến của dự án

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Giải pháp kỹ thuật sơ bộ
<b>I</b>	<b>TBA B8A kim Liên</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV-630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Lắp mới tủ RMU 22kV - kiểu compact - 3 ngăn (2CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			
1	Cáp 22kV cấp nguồn trung thế	Mét	6	Cáp ngầm 22kV – Cu – 3x240mm <sup>2</sup>
2	Cáp 22kV từ tủ RMU sang MBA	Mét	18	Cáp ngầm 22kV – Cu – 1x50mm <sup>2</sup>
3	Hộp đầu cáp Elbow	Bộ 1 pha	3	Hộp đầu cáp Elbow 22kV Cu/1x50mm <sup>2</sup>
4	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
5	Hộp nối cáp ngầm trung áp	Bộ	1	Hộp nối cáp 22kV 3x240mm <sup>2</sup>
6	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
7	Cáp cấp nguồn hạ áp	Mét	166	Cáp hạ áp – Cu – 4x120mm <sup>2</sup>
8	Hộp đầu cáp 0,6/1kV	Bộ	6	Hộp đầu cáp hạ áp Cu/4x120mm <sup>2</sup>

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Giải pháp kỹ thuật sơ bộ
9	Ống nhựa xoắn luồn cáp cấp nguồn trung áp	Mét	4	Ống nhựa xoắn HDPE $\Phi$ 195/150
10	Ống nhựa xoắn luồn cáp cấp nguồn hạ áp	Mét	166	Ống nhựa xoắn HDPE $\Phi$ 130/100
<b>II</b>	<b>TBA Thịnh Hòa 3</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV-630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Lắp mới tủ RMU 22kV - kiểu compact - 3 ngăn (2CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	Thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			
1	Cáp 22kV từ tủ RMU sang MBA	Mét	18	Cáp ngầm 22kV – Cu – 1x50mm <sup>2</sup>
2	Hộp đầu cáp Elbow	Bộ 1 pha	3	Hộp đầu cáp Elbow 22kV Cu/1x50mm <sup>2</sup>
3	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
4	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
<b>III</b>	<b>TBA Giếng Nước Văn Chương.</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV-630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Lắp mới tủ RMU 22kV - kiểu compact - 3 ngăn (2CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	Thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			
1	Cáp 22kV từ tủ RMU sang MBA	Mét	18	Cáp ngầm 22kV – Cu – 1x50mm <sup>2</sup>

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Giải pháp kỹ thuật sơ bộ
2	Hộp đầu cáp Elbow	Bộ 1 pha	3	Hộp đầu cáp Elbow 22kV Cu/1x50mm <sup>2</sup>
3	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
4	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
<b>IV</b>	<b>TBA Trần Quý Cấp 4</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV-630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Lắp mới tủ RMU 22kV - kiểu compact - 3 ngăn (2CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	Thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			
1	Cáp 22kV từ tủ RMU sang MBA	Mét	18	Cáp ngầm 22kV – Cu – 1x50mm <sup>2</sup>
2	Hộp đầu cáp Elbow	Bộ 1 pha	3	Hộp đầu cáp Elbow 22kV Cu/1x50mm <sup>2</sup>
3	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
4	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
<b>V</b>	<b>TBA Trần Quý Cấp 5</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV-630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Lắp mới tủ RMU 22kV - kiểu compact - 3 ngăn (2CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	Thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			

<b>TT</b>	<b>Tên hạng mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giải pháp kỹ thuật sơ bộ</b>
1	Cáp 22kV từ tủ RMU sang MBA	Mét	18	Cáp ngầm 22kV – Cu – 1x50mm <sup>2</sup>
2	Hộp đầu cáp Elbow	Bộ 1 pha	3	Hộp đầu cáp Elbow 22kV Cu/1x50mm <sup>2</sup>
3	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
4	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
<b>VI</b>	<b>TBA Láng Trung 4</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV- 630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Tận dụng tủ RMU 22kV - kiểu compact - 4ngăn (3CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	Thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			
3	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
4	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
<b>VII</b>	<b>TBA C3 Nam Đồng</b>			
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị</b>			
1	Máy biến áp	Cái	1	Tận dụng lắp đặt MBA dầu- 3 pha-22kV- 630kVA
2	Tủ RMU	Tủ	1	Lắp mới tủ RMU 22kV - kiểu compact - 3 ngăn (2CD+1CC)
3	Thân trạm biến áp và thiết bị hạ thế	Trụ	1	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, có ngăn lắp tủ trung áp, hạ thế.
4	thiết bị hạ thế	Tủ	1	Tận dụng tủ hạ áp 600V - 1000A trọn bộ.
<b>I.2</b>	<b>Vật liệu</b>			

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Giải pháp kỹ thuật sơ bộ
1	Cáp 22kV từ tủ RMU sang MBA	Mét	18	Cáp ngầm 22kV – Cu – 1x50mm <sup>2</sup>
2	Hộp đầu cáp Elbow	Bộ 1 pha	3	Hộp đầu cáp Elbow 22kV Cu/1x50mm <sup>2</sup>
3	Hộp đầu cáp Tplug	Bộ	2	Hộp đầu cáp Tplug 22kV Cu/3x240mm <sup>2</sup>
4	Cáp hạ áp từ MBA sang tủ hạ thế tổng	Mét	22.5	Cáp hạ áp – Cu – 1x240mm <sup>2</sup>
5	Cáp cấp nguồn hạ áp	Mét	94	Cáp hạ áp – Cu – 4x120mm <sup>2</sup>
6	Hộp đầu cáp 0,6/1kV	Bộ	10	Hộp đầu cáp hạ áp Cu/4x120mm <sup>2</sup>
7	Ống nhựa xoắn luôn cáp cấp nguồn hạ áp	Mét	98	Ống nhựa xoắn HDPE Φ130/100

**III.2. Khối lượng thiết bị, vật tư thu hồi dự kiến:** Bảng kê chi tiết kèm theo.

#### IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

##### 1. Cơ sở lập khái toán chi phí đầu tư

- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông Tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông Tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2024/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

##### 2. Nguyên tắc xác định khái toán

Lập khái toán chi phí đầu tư xây dựng dự án trên cơ sở vận dụng phương pháp xác định sơ bộ TMĐT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và phương pháp hướng dẫn tại mục I Phụ lục I.TT11/2021/TT-BXD. Cụ thể:

+ Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản

lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.

+ Sơ bộ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được ước tính trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ theo phương án thiết kế sơ bộ của dự án và suất vốn đầu tư số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV.

+ Đối với một số VTTB không có trong suất vốn đầu tư sử dụng cơ sở giá vật tư thiết bị đã được phê duyệt tại các công trình đầu tư xây dựng có tính chất tương tự.

+ Việc xác định chi phí xây dựng và thiết bị trong khái toán chi phí đầu tư của dự án như trên để phục vụ cho công tác xác định các khoản mục chi phí tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng và thiết bị. Các chi phí tư vấn và các chi phí khác: được xác định và tính toán theo Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

### 3. Khái toán chi phí đầu tư: 7.230.412.171 đồng

*Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười hai nghìn, một trăm bảy một đồng.*

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	<b>Chi phí BT-HT-TĐC</b>				
2	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>2,467,454,700</b>	<b>246,745,470</b>	<b>2,714,200,170</b>	<b>GSBXD</b>
3	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>2,849,427,000</b>	<b>284,942,700</b>	<b>3,134,369,700</b>	<b>GSBTB</b>
4	<b>Chi phí khác</b>	<b>960,408,280</b>	<b>77,128,680</b>	<b>1,037,536,960</b>	<b>GSBK</b>
4.1	Chi phí lập BCKTKT	191,833,092	19,183,309	211,016,401	
4.2	Chi phí quản lý dự án	189,121,482		189,121,482	
4.3	Chi phí lãi vay	162,876,025	16,287,603	179,163,628	
4.4	Chi phí khác còn lại	416,577,681	41,657,768	458,235,449	
5	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>313,864,499</b>	<b>30,440,842</b>	<b>344,305,341</b>	<b>GSBDP</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6,591,154,479</b>	<b>639,257,692</b>	<b>7,230,412,171</b>	

## PHẦN II: NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

### I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT

#### 1. Cơ sở lập nhiệm vụ kỹ thuật

- Quyết định số 9078/QĐ-EVNHAÑOI ngày 17/09/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội, về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 3 năm 2026 cho Công ty Điện lực Hoàn Kiếm.

#### 2. Nội dung của nhiệm vụ kỹ thuật

2.1. Dự án: Cải tạo TBA trên địa bàn Quận Đống Đa( Theo địa dư hành chính cũ) năm 2026( đợt 2)".

2.2. Điểm đầu nối : Giữ nguyên các điểm đầu nối cũ.

2.3. Vị trí xây dựng: Tại địa bàn phường Đống Đa, phường Láng, phường Quốc Tử Giám.

2.4. Quy mô công suất:

- + Cải tạo TBA B8B Kim Liên đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
  - + Cải tạo TBA Thịnh Hào 3 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
  - + Cải tạo TBA Giếng Nước Văn Chương đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
  - + Cải tạo TBA Trần Quý Cáp 4 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
  - + Cải tạo TBA Trần Quý Cáp 5 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
  - + Cải tạo TBA Láng Trung 4 đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, tận dụng tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
  - + Cải tạo TBA C3 Nam Đồng đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, trạm có dung lượng 630kVA – 22/0,4kV. Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, tận dụng MBA 630kVA– 22/0,4kV, lắp mới tủ RMU, tận dụng tủ hạ thế.
- Rải mới 6m cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm<sup>2</sup>-Chống thấm nước; Màn chắn băng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE để cấp nguồn cho TBA B8A Kim Liên và TBA B17 Kim Liên.
- Rải mới 170m cáp hạ áp-Cu-4x120mm<sup>2</sup>-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ tủ hạ thế B18 Kim Liên đến cột XT để cấp nguồn
- Rải mới 95m cáp hạ áp-Cu-4x120mm<sup>2</sup>-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ

tủ hạ thế C3 Nam Đồng đến cột XT để cấp nguồn

## **2.5. Giải pháp công nghệ chính**

### **2.5.1. Trạm biến áp B8A Kim Liên.**

#### **\* Hiện trạng**

- Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Vị trí trạm B8A Kim Liên đang nằm giữa đường đi vào khu tập B8 Kim Liên.

#### **\* Sau cải tạo**

Di chuyển và thay đổi kiểu trạm TBA B8A Kim Liên

- Kiểu TBA: Hộp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng lại.
- Máy biến áp 400kVA-22/0,4kV tận dụng lại.
- Tủ RMU 3 ngăn (2CD+1CC) : lắp đặt mới
- Điểm đầu trung áp: đầu búc vào đoạn cáp từ TBA B8B Kim Liên đi TBA B17 Kim

Liên thuộc lộ 480E1.13;

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-WS 3x240mm<sup>2</sup> dài khoảng 6m.
- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x120mm<sup>2</sup> dài khoảng

170m.

### **2.5.2. Trạm biến áp Thịnh Hòa 3**

#### **\* Hiện trạng**

Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Trạm nằm trên mặt ngõ Thổ Quan 1.

#### **\* Sau cải tạo**

Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hộp bộ trụ thép.

- Kiểu TBA: Hộp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng
- Máy biến áp 630kVA-22/0,4kV tận dụng.
- Tủ RMU 3 ngăn (2CD+1CC) lắp đặt mới
- Điểm đầu trung áp: giữ nguyên điểm đầu cũ đoạn cáp từ Hàng Bột 4 đi TBA Hàng Bột

13 thuộc lộ 465E1.5;

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối

lại

- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại.

### **2.5.3. Trạm biến áp Giếng Nước Văn Chương.**

#### **\* Hiện trạng**

Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Trạm nằm trên mặt vỉa hè hồ Linh Quang.

#### **\* Sau cải tạo**

- Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hộp bộ trụ thép, giữ nguyên công suất lên 630kVA
- Kiểu TBA: Hộp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng
- Máy biến áp 630kVA-22/0,4kV tận dụng.

- Tủ RMU 3 ngăn (2CD+1CC) lắp đặt mới
- Điểm đầu trung áp: giữ nguyên điểm đầu cũ đoạn cáp từ TBA Văn Chương 5 đi TBA Giếng Nước Văn Chương 2.

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại

- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại.

#### **2.5.4. Trạm biến áp Trần Quý Cáp 4**

##### **\* Hiện trạng**

Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Trạm nằm ngõ 62 Trần Quý Cáp.

##### **\* Sau cải tạo**

Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, công suất lên 630kVA

- Kiểu TBA: Hợp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng
- Máy biến áp 630kVA-22/0,4kV tận dụng.
- Tủ RMU 3 ngăn (2CD+1CC) lắp đặt mới
- Điểm đầu trung áp: giữ nguyên điểm đầu cũ đoạn cáp từ TBA Trần Quý Cáp 1 đi TBA Ga B;

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại

- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x185mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại.

#### **2.5.5. Trạm biến áp Trần Quý Cáp 5**

##### **\* Hiện trạng**

Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Trạm nằm mặt phố Trần Quý Cáp.

##### **\* Sau cải tạo**

Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, công suất lên 630kVA

- Kiểu TBA: Hợp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng
- Máy biến áp 630kVA-22/0,4kV tận dụng.
- Tủ RMU 3 ngăn (2CD+1CC) lắp đặt mới
- Điểm đầu trung áp: giữ nguyên điểm đầu cũ đoạn cáp từ TBA Công ty thông tin tin hiệu đi TBA Ga B;

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại

- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x185mm<sup>2</sup> và cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại.

#### **2.5.6. Trạm biến áp Láng Trung 4**

##### **\* Hiện trạng**

Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Trạm nằm mặt phố Chùa Láng.

**\* Sau cải tạo**

Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, công suất lên 630kVA

- Kiểu TBA: Hợp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng
- Máy biến áp 630kVA-22/0,4kV tận dụng.
- Tủ RMU 4 ngăn (3CD+1CC) tận dụng
- Điểm đầu trung áp: giữ nguyên điểm đầu cũ đoạn cáp từ xuất tuyến 450E1.67 đi TBA

Láng Trung 7;

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại
- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại.

**2.5.7. Trạm biến áp C3 Nam Đồng****\* Hiện trạng**

Hiện trạng là trạm treo 630kVA-22/0,4kV. Trạm nằm mặt phố Chùa Láng.

**\* Sau cải tạo**

Thay đổi kiểu trạm treo thành trạm hợp bộ trụ thép, công suất lên 630kVA

- Kiểu TBA: Hợp bộ trụ thép
- Tủ hạ thế 600V-1000A: tận dụng
- Máy biến áp 630kVA-22/0,4kV tận dụng.
- Tủ RMU 3 ngăn (2CD+1MC) lắp đặt mới
- Điểm đầu trung áp: giữ nguyên điểm đầu cũ đoạn cáp từ KC Nam Đồng đi TBA C1

Nam Đồng;

- Tuyến cáp ngầm 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm<sup>2</sup> tận dụng đầu nối lại
- Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x120mm<sup>2</sup> : 100m.

**2.6. Tiến độ thực hiện**

Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025

**2.7. Khái toán mức đầu tư: 7.230.412.171 đồng**

*Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười hai nghìn, một trăm bảy mươi một đồng.*

**II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN****1. Cơ sở lập**

- Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi,

bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2024/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

## **2. Thành phần chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án**

- Chi phí tư vấn lập BCKTKT: **211.016.401 đồng**

## **3. Xác định dự toán chi phí giai đoạn CBDA**

Dự toán chi phí giai đoạn CBDA được xác định trên cơ sở khái toán chi phí đầu tư của dự án và thành phần chi phí giai đoạn CBDA nêu trên.

**Phụ lục**  
**PHẦN II - CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN**  
**TỔNG HỢP CHI PHÍ TƯ VẤN LẬP BCKTKT**

**Công trình: Cải tạo TBA trên địa bàn quận Đống Đa (theo địa dư hành chính cũ) năm 2026**  
**(đợt 2)**

*(Kèm theo Nhiệm vụ kỹ thuật số /NVKT-BQLDAKN ngày tháng năm 2025)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Ký hiệu	Giá trị duyệt	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Định mức chi phí lập TKBVTC</b>			
1	Chi phí xây dựng và thiết bị cận trên (trước VAT) (tỷ đồng)	Ga	7	<i>Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, Phụ lục VIII- Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, Bảng 2.3 Định mức chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật</i>
2	Chi phí xây dựng và thiết bị cận dưới (trước VAT) (tỷ đồng)	Gb	3	
3	Định mức chi phí lập BCNCKT tương ứng với Ga (%)	Na	4.3	
4	Định mức chi phí lập BCNCKT tương ứng với Gb (%)	Nb	4.8	
<b>B</b>	<b>Số liệu công trình</b>			
1	Chi phí xây dựng (trước VAT) (đồng)	Gxd	2,467,454,700	<i>Theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35KV (kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>
	Thuế VAT 10% (đồng)		246,745,470	
	Chi phí xây dựng (sau VAT) (đồng)		2,714,200,170	
2	Chi phí thiết bị (trước VAT) (đồng)	Gtb	2,849,427,000	
	Thuế VAT 10% (đồng)		284,942,700	
	Chi phí thiết bị (sau VAT) (đồng)		3,134,369,700	
3	<b>Cộng chi phí xây dựng và thiết bị (trước VAT) (đồng)</b>	Gt	<b>5,316,881,700</b>	
4	Định mức chi phí lập BCNCKT (%): $Nt = Nb - (Gt - Gb) * (Nb - Na) / (Ga - Gb)$	Nt	4.510	
<b>C</b>	<b>Chi phí Tư vấn lập TKBVTC (đồng)</b>	<b>Cbcnckt</b>	<b>239,791,365</b>	
	<b>Cộng trước thuế</b>		<b>239,791,365</b>	
	<b>Hệ số thiết kế lập x 0,8</b>		<b>191,833,092</b>	
	Thuế VAT	10%	19,183,309	
	<b>Cộng sau thuế</b>		<b>211,016,401</b>	
	<b>Dự phòng</b>	5%	<b>10,550,820</b>	
	<b>Cộng sau dự phòng</b>		<b>221,567,221</b>	

Bảng tính chi tiết theo suất đầu tư

TT	Mã hiệu suất vốn đầu tư và Công trình tương tự đã được phê duyệt	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền					
					Thiết bị	Xây lắp	Vật tư (Cáp điện, phụ kiện)	Thiết bị	Xây lắp	Vật tư (Cáp điện, phụ kiện)			
I	Chi phí thiết bị												
1	T022.Tr.0630.3.1.2.1	Trạm biến áp thân trụ thép hợp bộ trung, hạ thế 630KVA - 22/0.4KV (tận dụng MBA, THT)	kVA	3,780	676,700	49,600	136,100	2,557,926,000	187,488,000	514,458,000			
2	T022.Tr.0630.3.1.2.1	Trạm biến áp thân trụ thép hợp bộ trung, hạ thế 630KVA - 22/0.4KV (tận dụng MBA, tủ RMU, THT)	kVA	630	462,700	49,600	1,172,400	291,501,000	31,248,000	738,612,000			
II	Vật tư chính												
1	C022.240.1.O.A	CN22 - 3x240mm <sup>2</sup> , 1 mạch, 100% hào cáp dưới đường Asphalt, ống HDPE F150	km	0.020		1,626,620,000	2,331,960,000	-	32,532,400	46,639,200			
2	C0.4.240.2.O.H	CNHT-120mm <sup>2</sup> , 2 mạch, 80% hào cáp trên hè gạch block và 20% hào cáp dưới đường bê tông Asphalt, ống HDPE F150	km	0.075		1,035,720,000	3,303,600,000	-	77,679,000	247,770,000			